

Trường Mầm Non Yên Hưng  
Xã Yên Mô - Tỉnh Ninh Bình

## BẢNG TÀI CHÍNH CÔNG KHAI

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Số phiếu: 112352

Đơn vị tính: Đồng Số suất ăn: 239 Từ 18-24 tháng: 0 Từ 24-36 tháng: 85 Trên 36 tháng: 154

STT	Tên hàng hoá	Mã hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nước rửa bát	NRB	Kg	1,10	34.200	37.620
2	Sữa bột Vinamilk	SBVNM	Kg	4,30	255.000	1.096.500
3	Gạo tẻ	GT	Kg	21,30	18.500	394.050
4	Muối hạt	MU	Kg	0,50	10.000	5.000
5	Gạo nếp loại 1	GNL1	Kg	11,00	35.000	385.000
6	Đậu xanh bóc vỏ	DXBV	Kg	1,10	48.000	52.800
7	Muối BC Hà Nội 400g	MBCHN	Kg	1,10	45.000	49.500
8	Đường kính	DK	Kg	0,20	30.000	6.000
<b>Hàng kho</b>						<b>2.026.470</b>
9	Rau mùi ta	RMTA	Kg	0,10	55.000	5.500
10	Thịt ba chỉ	TBC	Kg	11,70	153.000	1.790.100
11	Thịt nạc thăn	TNT	Kg	2,80	158.000	442.400
12	Thịt lợn mỡ ( Thịt mỡ heo)	TLM	Kg	0,90	88.000	79.200
13	Xương ống lợn + khuy	XOK	Kg	6,40	61.000	390.400
14	Cà rốt	CR	Kg	2,40	25.000	60.000
15	Hành khô	HK	Kg	0,10	35.000	3.500
16	Bí xanh	BX	Kg	7,00	25.000	175.000
17	Trứng chim cút	TCC	Kg	3,50	79.000	276.500
18	Hành hoa ( Hành lá)	HH	Kg	0,20	45.000	9.000
<b>Hàng chợ</b>						<b>3.231.600</b>
<b>Phụ phí</b>						<b>0</b>
<b>Tổng cộng</b>						<b>5.258.070</b>
<b>Bằng chữ</b>						<b>Năm triệu, hai trăm, năm mươi, tám ngàn, không trăm, bảy mươi đồng.</b>

\* Quyết toán tiền ăn trong ngày:

Hôm trước mang sang: 528  
Tiêu chuẩn được chi: 5.258.000  
Tiền hỗ trợ bữa ăn trong ngày: 0  
Đã chi: 5.258.070  
Thừa (thiếu): 458



Đại diện BGH

(Ký tên)

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

*Đoàn Thị Chiến*